

**Tập 110**

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm hai mươi ba.

**(Sao) Văn danh đồ hình giả, thị thân sơ nhất đối, tri giả nhĩ văn tắc tư mộ nguyện kiến, thức giả mục kích tắc phụng sự bất vi dã.**

(鈔)聞名睹形者，是親疏一對，知者耳聞則思慕願見，識者目擊則奉事不違也。

(Sao: “Nghe tiếng, thấy hình” là cặp ý nghĩa thân - sơ. Tri là tai nghe bèn nghĩ nhớ, hâm mộ, mong được thấy. Thức là gặp gỡ bèn phụng sự chẳng trái nghịch).

Câu này nhằm giải thích lời Sớ: “*Văn danh khâm đức, viết Tri. Đồ hình kính phụng, viết Thức*” (Nghe tiếng kính trọng, ngưỡng mộ đức là Tri, thấy mặt kính trọng, phụng sự là Thức), mang ý nghĩa nói rõ các vị Thường Tùy đệ tử của đức Thế Tôn, nói theo cách bây giờ, đều hết sức nổi tiếng, thuở ấy, trong ngoài nước đều biết tới những nhân vật ấy. Mỗi người trong số các Ngài đều có sở trường đặc thù, về sau, trong kinh điển, các vị kết tập luôn dùng họ đại diện Phật pháp. “*Văn danh*” là nghe nói tới người ấy, “*đồ hình*” là đã từng thấy người ấy. Nghe tiếng là sơ, gặp mặt đương nhiên là thân thiết, [nên lời Sao mới nói] “*thân sơ nhất đối*” (một cặp ý nghĩa thân và sơ). Lại nói tới Tri Thức, Tri có nghĩa là nghe tiếng, “*nhĩ văn tắc tư mộ nguyện kiến*” (tai nghe bèn nghĩ nhớ, hâm mộ, mong được thấy), “*nguyện kiến*” không nhất định đã được gặp, còn Thức là đã từng gặp gỡ. Đây là giải thích chữ Tri Thức đơn giản.

**(Sao) Kiến hình, kiến tâm giả, thị thiểu thâm nhất đối. Tri giả, tắc diện đối quang nghi. Thức giả, tắc thần giao ý địa dã.**

(鈔)見形見心者，是淺深一對。知者則面對光儀，識者則神交意地也。

(Sao: “Thấy mặt, thấy tâm” là một cặp ý nghĩa sâu và cạn. Tri là chỉ đối diện với hình dung. Thức là thấu hiểu tâm ý).

Ở đây có một cặp ý nghĩa sâu và cạn, tức là chúng ta đã từng gặp mặt một người, gặp mặt là quen biết, nhưng chẳng thâm giao, chẳng

thường qua lại. Nếu có môi thâm giao, thường qua lại, sự quen biết ấy sâu đậm hơn. Do vậy, trong sự quen biết cũng có sâu hay cạn sai khác, câu này có ý nghĩa như vậy. Dưới đây, đại sư trích dẫn một câu chuyện từ trong kinh Phật.

***(Sao) Như nhị tăng cận Phật, kỳ nhất đạo vong, Phật dĩ vong giả vi tiên kiến ngã, tức kiến tâm chi vị dã.***

(鈔)如二僧覲佛，其一道亡，佛以亡者為先見我，即見心之謂也。

*(Sao: Như có hai vị tăng muốn đến thân cận Phật, một vị vì đạo mà chết, đức Phật nói “vị Tăng đã mất thấy ta trước”, ý nói thấy tâm vậy).*

Trong câu chuyện này, có hai người xuất gia muốn đến gặp Phật, nhưng khoảng cách khá xa xôi, thuở ấy, chẳng có phương tiện giao thông thuận lợi, toàn là đi bộ. Đi qua đồng hoang chẳng tìm được nước, thuở ấy nguồn nước thiếu thốn, khá vất vả mới tìm được nước, nhưng trong nước ấy có trùng, uống nước ấy đương nhiên là sát sanh. Trong đó có một vị xuất gia trì giới rất nghiêm, chẳng dám uống, nên chết khát, đương nhiên chẳng thấy Phật. Người kia khát nước, chẳng có cách nào khác, đành uống nước, sau đấy, đến gặp Phật. Đức Phật hỏi vị đó: “Ông từ đâu đến?” Vị ấy thưa: “Hai người chúng con kết bạn đến gặp Phật, giữa đường, một người chẳng dám uống nước có trùng nên chết khát”. Đức Phật bảo vị ấy: “Người chết khát đó đã sớm gặp ta, ông đến quá trễ rồi!” Nói rõ người kia thấy Phật là thấy bằng tâm, còn vị này thấy Phật là thấy hình dáng, tức là thấy bằng thân, chẳng phải là thấy bằng tâm. Do vậy, trong đây có sâu hay cạn sai khác. “*Phật dĩ vong giả vi tiên kiến ngã, tức kiến tâm chi vị dã*” (đức Phật nói vị Tăng đã mất thấy ta trước, ý nói thấy tâm vậy).

***(Sao) Tri tức thức giả.***

(鈔)知即識者。

*(Sao: Tri chính là Thức).*

Tri và Thức có thể gộp lại để dùng.

***(Sao) Do ngôn tương tri tương thức dã.***

(鈔) 猶言相知相識也。

(Sao: Giống như nói “tương tri tương thức” vậy).

Tận cho đến chỗ này, đều nhằm giải thích chữ Tri Thức.

**(Sao) Đức cao vọng trọng, danh mãn thiên hạ, nhân nhân tri chi, nhân nhân thức chi, cổ viết “chúng sở tri thức” dã. Nhất thuyết cử chúng chi trung, thử vị đa tri đa thức, nhân thiên nhân mục, vân chúng đạo dã.**

(鈔) 德高望重，名滿天下，人人知之，人人識之，故曰眾所知識也。一說舉眾之中，此為多知多識，人天眼目，云眾導也。

(Sao: Đức cao vọng trọng, tiếng tăm lừng lẫy thiên hạ, ai nấy đều biết, ai nấy đều hay, nên nói là “chúng sở tri thức”. Một thuyết khác là giữa đại chúng, những vị ấy được nhiều người hay biết, là mắt của trời người, nên gọi họ là bậc hướng dẫn đại chúng vậy).

Đây lại là một cách nói khác, cho nên trong phần giải thích chữ Tri Thức có tất cả ba tầng ý nghĩa, tầng này sâu nhất. Đây là nói trong đại chúng, chữ “đại chúng” chỉ đại chúng thường tùy (đại chúng thường theo hầu) đức Phật, trong một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị ấy, [những vị trưởng lão sẽ được nêu tên trong chánh kinh như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v...] là các vị nhân tài phi thường kiệt xuất, cho nên chẳng ai không biết, không ai chẳng nhận ra, cho nên gọi họ là “chúng sở tri thức”. Vì thế, họ là “nhân thiên nhân mục”, có thể thay mặt đức Phật lãnh đạo đại chúng. Đây là những học trò kiệt xuất trong các học trò của đức Phật, có thể thay đức Phật thuyết pháp.

**(Sao) Kim nhân xưng thiện tri thức, diệc cụ nhị nghĩa.**

(鈔) 今人稱善知識，亦具二義。

(Sao: Nay người được gọi là thiện tri thức, cũng có hai ý nghĩa).

Đây là mở rộng ý nghĩa, chúng ta thường gọi người nào đó là thiện tri thức thì “thiện tri thức” có hai ý nghĩa:

**(Sao) Nhất giả, đối ác nhi ngôn, dĩ ngã sở tri thức, hữu thiện, hữu ác, kim thị thiện chi tri thức cố.**

(鈔)一者對惡而言，以我所知識，有善有惡，今是善之知識故。

(Sao: Một là đối với kẻ ác mà nói, do bậc tri thức của ta có kẻ thiện, người ác, nay vị này là thiện tri thức).

Đây là [nói theo] nghĩa cạn, phàm những ai chẳng làm ác đều có thể gọi là thiện tri thức. Đồng tu chúng ta gặp mặt nhau đều có thể gọi là thiện tri thức. Ý nghĩa thứ hai sâu hơn:

**(Sao) Nhị giả, thử nhân hữu liễu nhiên chi tri, trác nhiên chi thức, nhân sở bất cập, thị tri thức chi thiện cố.**

(鈔)二者此人有了然之知，卓然之識，人所不及，是知識之善故。

(Sao: Hai là người hiểu biết thông suốt, kiến thức lỗi lạc, người khác chẳng sánh bằng, nên là bậc thiện tri thức).

Ý nghĩa này sâu xa, tức là đối với những người hữu tu, hữu học, hữu chứng, bèn gọi họ là thiện tri thức, giống như một ngàn hai trăm năm mươi người ở đây, họ thật sự là thiện tri thức hữu tu, hữu chứng.

**(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh vô lậu, thị La Hán nghĩa. Tự tánh vô mê, thị tri thức nghĩa.**

(疏)稱理，則自性無漏，是羅漢義。自性無迷，是知識義。

(Sớ: Xưng Lý, La Hán nghĩa là tự tánh vô lậu; tri thức nghĩa là tự tánh chẳng mê).

Đây là nói theo phương diện tâm tánh, đàm luận xưng tánh. Lậu là gì? Lậu (漏) là tỷ dụ, như cái chén trà của chúng ta nếu bị rò rỉ sẽ mất tác dụng, chúng ta đựng nước trà trong ấy, sẽ bị chảy mất. Đức Phật dùng chuyện này làm tỷ dụ nhằm sánh ví Pháp Tánh của chúng ta. Nếu trong Pháp Tánh của chúng ta có Lậu; nếu có Lậu, trí huệ công đức Bát Nhã

trong Pháp Tánh sẽ bị rò rỉ, tỷ dụ ý nghĩa này. Chúng ta thấy một đồ đựng mà bị rò rỉ, rất rõ ràng là nó đã bị hư hỏng rồi! Pháp Tánh bị hư hỏng ở chỗ nào? Nói thật ra, Pháp Tánh trọn chẳng hư hỏng. Nếu trong Pháp Tánh, dấy lên phiền não, chấp trước, công đức trong Pháp Tánh chẳng thể thấu lộ được. Do vậy, Lậu là tên gọi khác của phiền não, chấp trước. Vô Lậu là không có phiền não, không có chấp trước. A La Hán đoạn Kiến Tư phiền não, phá Ngã Chấp. Không có chấp trước, không có phiền não, bèn gọi là A La Hán, đây là Tiểu Thừa. Nếu nói theo Đại Thừa, Kiến Tư và Trần Sa phiền não đều không có, Ngã Chấp lẫn Pháp Chấp đều đoạn sạch, đó là Đại Thừa A La Hán. Thông thường, chúng ta gọi Đại Thừa A La Hán là Thập Địa Bồ Tát (Pháp Vân Địa Bồ Tát), gọi là Đại A La Hán.

“*Tự tánh vô mê, thị tri thức nghĩa*” (tự tánh chẳng mê là ý nghĩa của chữ Tri Thức). Nói thông thường, Mê có hai thứ: Một loại là Căn Bản Vô Minh, loại kia là Chi Mạt Vô Minh. Phải đạt đến Đẳng Giác Bồ Tát mới có thể phá Căn Bản Vô Minh, Chi Mạt Vô Minh thì A La Hán đã phá được. Chúng ta thường thấy kinh Phật nói Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên. Trong Thập Nhị Nhân Duyên, điều đầu tiên là vô minh, “*vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập*”. Thứ nhất là vô minh, vô minh ấy là Chi Mạt Vô Minh, phá vô minh sẽ chứng A La Hán, Bích Chi Phật quả. Do vậy, cái được đoạn bởi A La Hán và Bích Chi Phật là Chi Mạt Vô Minh, chẳng phải là Căn Bản Vô Minh, chúng ta phải nhận biết rõ ràng. Phá Căn Bản Vô Minh sẽ thành Phật; bởi lẽ, Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phần Sanh Tướng Vô Minh. “*Tự tánh vô mê*” là phá vô minh. Dưới đây là lời giải thích tỉ mỉ:

**(Sao) Tâm nguyên bản tịch, tắc chư Lậu toàn Không; tâm thể bản minh, tắc quần mê an tại?**

(鈔)心源本寂，則諸漏全空；心體本明，則群迷安在。

(Sao: Nguồn tâm vốn vắng lặng nên toàn bộ các Lậu đều là Không, tâm thể vốn sáng suốt, các thứ mê còn ở chỗ nào?)

“*Tâm nguyên*” là chân tâm của chúng ta. “*Tâm*” là chân tâm, vì sao gọi là Nguyên? Nguyên (源) là cội nguồn, khởi nguyên. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là vật được biến hiện bởi chân tâm của chúng ta. Do vậy, tâm là căn nguyên của muôn pháp, nên gọi là “*tâm nguyên*”. “*Bổn tịch*”: Vốn là tướng tịch diệt, thanh tịnh,

tịch diệt, giống như trong kinh đã nói: “*Chư pháp tùng bốn lai, thường tự tịch diệt tướng*” (các pháp vốn là tướng thường tịch diệt), đây là chân tướng của hết thấy các pháp, như trong kinh Bát Nhã đã nói: “*Thật Tướng của các pháp*”, chân tướng của hết thấy các pháp quả thật là thanh tịnh, tịch diệt. Trong hiện tại, hết thấy các pháp có thanh tịnh, tịch diệt hay không? Vẫn thanh tịnh, tịch diệt, đó là thật, quyết định chẳng giả, nhưng chúng ta chẳng thấy cảnh giới này!

Kinh Nhân Vương chia sự tu hành của Bồ Tát làm năm giai đoạn, giai đoạn cao nhất gọi là Tịch Diệt Nhẫn. Tịch Diệt Nhẫn là gì? Chính là chứng đắc tướng tịch diệt của các pháp, Ngài thấy được. Ngài thấy hết thấy các pháp quả thật bất sanh, bất diệt, chẳng đến, chẳng đi, bất cấu, bất tịnh, Ngài thấy được! Kiến giải chẳng khác gì chư Phật. Tịch Diệt có ba phẩm:

- Hạ phẩm Tịch Diệt Nhẫn vừa mới chứng đắc cảnh giới tịch diệt, “*sanh diệt diệt dĩ, tịch diệt hiện tiền*” (sanh diệt đã diệt rồi, tịch diệt hiện tiền), đạt đến cảnh giới này là Pháp Vân Địa Bồ Tát (Dharmamegā Bhūmi Bodhisattva).

- Trung phẩm Tịch Diệt Nhẫn là Đẳng Giác Bồ Tát (Samyak Sambodhi Bodhisattva).

- Thượng phẩm là Như Lai, đây là cảnh giới tối cao trong tu hành.

Thấp hơn cảnh giới này một tầng là Vô Sanh Pháp Nhẫn, trong bài kệ hồi hướng, chúng ta thường đọc: “*Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh*”. Vô Sanh Pháp Nhẫn kém hơn Tịch Diệt Nhẫn một cấp, đó cũng là chứng đắc của các vị đại Bồ Tát. Minh tâm kiến tánh mới có thể thấy Vô Sanh Pháp Nhẫn, thấy hết thấy các pháp bất sanh, bất diệt, nhưng vẫn chưa đạt đến tịch diệt.

Vì sao chúng ta chẳng thấy cảnh giới ấy? Đức Phật đã giảng rất rõ ràng, vì phàm phu có vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc. Tướng tịch diệt của các pháp ở ngay trước mắt, chắc chắn đức Phật chẳng nói “phải rời khỏi hết thấy tướng của các vật ở ngay trước mắt để chứng đắc cảnh giới đặc thù”, không có! Muôn hình tượng ở ngay trước mắt chúng ta, vì sao chúng ta thấy hết thấy các tướng đang động? Vì tâm chúng ta đang động. Lúc nào, tâm quý vị chẳng động, sẽ thấy tướng cảnh giới bên ngoài cũng chẳng động, tức là quý vị có thể thấy chân tướng. Chính vì tâm chúng ta đang động, niệm niệm đều sanh diệt, chúng ta dùng cái tâm sanh diệt, niệm này sanh, niệm kia diệt. Trong kinh, đức Phật nói: “*Trong một cái khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt*”. Nay chúng ta sử dụng cái tâm sanh

diệt; dùng cái tâm sanh diệt để nhìn tướng cảnh giới bên ngoài, hết thấy muôn tướng đều là tướng sanh diệt. Nói thật ra, chẳng phải là cảnh giới có sanh diệt, mà do tâm chúng ta có sanh diệt, cho nên thấy cảnh giới bên ngoài sanh diệt. Vì chúng ta có chấp trước, cho nên trong hết thấy cảnh giới có sai biệt, chẳng bình đẳng. Hết thấy sai sót đều do tâm chúng ta sanh ra.

Rốt cuộc Phật, Bồ Tát và chúng ta khác nhau ở chỗ nào? Dụng tâm khác nhau! Phật, Bồ Tát dùng tâm thanh tịnh, dùng tâm bình đẳng, cho nên thấy hết thấy các pháp đều là thanh tịnh, bình đẳng; nay chúng ta thấy hết thấy các pháp bằng tâm phân biệt, tâm chấp trước, tâm vọng tưởng, tâm cao thấp, cho nên sanh phiền phức trong hết thấy các pháp. Nói thật ra, trong hết thấy các pháp không có những phiền toái ấy, mà thấy đều là những thứ trong tâm của chính mình có, trong cuộc sống của chính mình cứ ngỡ là có, sai lầm ở chỗ này! Do vậy, khởi Hoặc tạo nghiệp chịu báo, tạo tác sanh tử luân hồi, căn nguyên ở chỗ này, chúng ta nhất định phải hiểu.

Đức Phật dạy chúng ta chân tướng sự thật, đó là “*tâm nguyên bốn tịch*” (nguồn tâm vốn vắng lặng), nói cách khác, kinh Pháp Hoa nói hết thấy các pháp chẳng có một pháp nào chẳng phải là tướng thanh tịnh, tịch diệt; cho nên gọi là “*bốn tịch*”. Chúng ta học Phật nhằm khôi phục bốn tịch và bốn minh của chúng ta. Bốn tịch là Đại Niết Bàn, bốn minh là Đại Bát Nhã; vì thế nói: “*Chư lậu toàn Không*” (các lậu toàn thể là Không). Trong bốn tánh chẳng có phiền não, quý vị tìm phiền não chẳng được, phiền não trọn chẳng thể tìm được! Nếu trong tâm có phiền não thì người biết tu hành khi tịnh tọa, chẳng hạn như tâm tham dấy lên, hãy nhằm quay lại kiểm xem tâm tham ở nơi đâu? Quý vị đi tìm, sẽ thấy tâm tham chẳng có, tìm không ra, tâm tham trọn chẳng thể tìm được. Nếu quý vị gặp chuyện bực mình, tức giận, cũng lắng lòng kiểm tâm sân khuê đang ở đâu? Quý vị tìm không được, như trong kinh Lăng Nghiêm, ngài A Nan tìm chân tâm, sân khuê ở bên trong hay ở bên ngoài? Hay ở chính giữa? Quý vị đi tìm cũng tìm không được.

Giống như Nhị Tổ Huệ Khả của Thiền Tông, tâm Ngài chẳng yên, khi tu hành tâm bất an, gặp được Đạt Ma Tổ Sư, hướng về Đạt Ma Tổ Sư thỉnh giáo, về căn bản, tổ Đạt Ma chẳng ngó ngang tới. Ngài thấy tổ Đạt Ma chẳng đoái hoài, nói chung là vì chính mình tâm chẳng chân thành, bèn hạ quyết tâm tự chặt đứt cánh tay để cúng dường Tổ. Quý vị nghĩ xem, xả thân cúng dường, chặt đứt một cánh tay để cúng dường Đạt Ma Tổ Sư. Khi đó là mùa Đông, bên ngoài đổ tuyết rất sâu, quỳ gối trên

mặt đất đầy tuyết, cầm cánh tay cứng đờng Đạt Ma Tô Sư. Đạt Ma Tô Sư thấy tình cảnh ấy, hỏi: “Người có gì phải khổ sở như thế? Rốt cuộc là vì chuyện gì?” Ngài thưa: “Tâm con bất an, xin đại sư an tâm cho con”. Đạt Ma Tô Sư nói: “Người lấy cái tâm ra đây, ta sẽ an cho người”. Được hỏi, Ngài bèn quay lại kiếm, kiếm đến cuối cùng, thưa Đạt Ma tô sư: “Con tìm tâm trọn chẳng thể được”, con tìm không được cái tâm! Đạt Ma Tô Sư liền bảo: “Ta đã an cái tâm cho ông rồi”. Ta đã thay ông an cái tâm rồi, ông đã hiểu tâm trọn chẳng thể tìm được thì còn gì là an với chẳng an? Vấn đề liền được giải quyết, câu nói ấy đã điểm phá, Ngài bèn khai ngộ.

Quý vị phải hiểu: Tánh của phiền não là Không! Quý vị đừng sợ phiền não nhiều, đừng sợ nghiệp chướng nặng nề, tánh của nghiệp chướng cũng là Không, cũng là chẳng có; nhưng quý vị phải nhớ: Hễ quý vị chấp trước bèn có, có phiền não, có nghiệp chướng; khi nào quý vị chẳng chấp trước, phiền não và nghiệp chướng sẽ chẳng có. Có Ngã Chấp, đương nhiên có tội nghiệp, đương nhiên có quả báo, đương nhiên có luân hồi. Ngã Chấp không có, quý vị hãy nghĩ xem, đâu có nghiệp chướng, ai lãnh chịu? Không ai lãnh chịu, không có ta mà! Quả báo ấy chỉ có kẻ có Ngã mới hứng chịu! Kẻ vô ngã sẽ không nhận lãnh. Người ấy đã không có Ngã, ai hứng chịu đây? Chẳng ai hứng chịu! Vì thế, quý vị phải hiểu: Có Ngã Chấp thì có nghiệp báo, phá Ngã Chấp sẽ không có. A La Hán liễu sanh tử, thoát tam giới, vì sao nói Ngài liễu sanh tử, thoát tam giới? Không có Ngã Chấp. Do vậy, biết: Tu hành trong Phật pháp, nói xuyên suốt là phá Nhị Chấp, tức là phá Ngã Chấp và phá Pháp Chấp. Phá Ngã Chấp, chứng Tiểu Thừa A La Hán, phá Pháp Chấp, chứng Đại Thừa A La Hán, bèn thành Phật. Nói theo cương lĩnh, đúng là một câu đã nói toạc nhà Phật tu tập điều gì! Chúng ta nhất định phải nắm vững nguyên lý và nguyên tắc này; nếu không, bất luận tu như thế nào, chỉ tăng trưởng Ngã Chấp, trật mắt rồi!

Từ vô thủy kiếp tới nay, chúng ta tu hành, vì sao chẳng thể tu thành công? Chúng ta tu hành chắc chắn chẳng phải chỉ tu một đời, một kiếp này, mà từ vô lượng kiếp tới nay đời đời kiếp kiếp tu hành, không chỉ một A-tăng-kỳ kiếp, không chỉ ba A-tăng-kỳ kiếp, mà là vô lượng tam đại A-tăng-kỳ kiếp, nay chúng ta vẫn y hệt như cũ, phải giác ngộ! Do có Ngã Chấp, ai tu hành? Ta tu hành! “Ta tu giỏi hơn người, ta dụng công nhiều hơn người!” Chỗ nào cũng đều có ta, quý vị thấy có hồng bét hay không? “Người mỗi ngày lạy ba trăm lạy, ta mỗi ngày lạy ba ngàn lạy, ta mạnh hơn người nhiều!” Dường như chẳng tu thì Ngã Chấp còn ít, còn



nhẹ nhàng một chút, càng tu, Ngã Chấp càng nặng, tu gì? Tu Ngã Chấp, tu Pháp Chấp! Vẫn sợ Ngã Chấp và Pháp Chấp chưa đủ nhiều, mỗi ngày đều tăng thêm! Chuyện này sẽ phiền phức lớn. Nhà Phật thường nói “thấy thâu suốt, buông xuống”. Thấy thâu suốt điều gì? Thấy thâu suốt Ngã Chấp, buông Ngã Chấp xuống, thấy thâu suốt Pháp Chấp, buông Pháp Chấp xuống, quý vị mới có hy vọng! Chúng ta hằng ngày niệm Phật, lạy Phật, tụng kinh nơi đây, giống như làm chuyện như vậy đó, nhưng nghiên cứu kỹ kết quả, dường như chẳng liên can mấy may đến tu hành, đó là Ngã Chấp lẫn Pháp Chấp trọn chẳng nhứt bốt tí nào, vẫn cứ chấp trước nhiều ngàn ấy. Chúng ta tự mình tu hành cả một đời, tu hành đời đời kiếp kiếp nhưng vẫn chẳng thể nhập môn, nguyên nhân ở chỗ này!

Hiểu rõ đạo lý này, sẽ biết phá Ngã Chấp khẩn yếu, trọng yếu phi thường. Phải thực hiện từ nơi đâu? Trước hết, hãy thực hiện từ Ngã Sở. Trước hết, buông Ngã Sở xuống, dễ dàng hơn! Ngã Sở là cái ta có, là vật ngoài thân. Trước hết, có thể thấy thâu suốt vật ngoài thân, có thể buông xuống, có thể nhứt bốt một chút, đó là nói về tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, chúng là những thứ chúng ta hưởng thụ. Trước hết phải học, học điều gì? Chính mình có thừa, hãy nên buông xuống. Ta ăn no, mặc ấm, ta có một căn nhà có thể đụt mưa, tránh gió, còn dư ra thì hãy xả, buông xuống, hãy buông xuống những thứ ta có. Tiến hơn một bước nữa, Ngã cũng có thể buông xuống. Trong chương giảng về [Bồ Tát thuộc địa vị] Đệ Lục Hồi Hướng của kinh Hoa Nghiêm có nêu khuôn mẫu rất căn kẽ, hoàn toàn giảng về bố thí, buông xuống, giảng đến bảy tám chục thứ, từ vật ngoài thân cho đến đầu, mắt, não, tủy, từ ngoại tài cho đến nội tài, không có gì chẳng thể bỏ, không có gì chẳng thấy thâu suốt. Đó là phá Ngã Chấp, phá Pháp Chấp, hiển thị “*tâm nguyên bốn tịch, tâm thể bốn minh*” (nguồn tâm vốn vắng lặng, tâm thể vốn sáng suốt), đại quang minh, đại viên mãn, hiển thị điều này.

Chỗ nào cũng đều có Ta, quý vị sẽ vĩnh viễn chẳng thể phá mê, bất luận quý vị tu như thế nào, mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, mỗi ngày đánh lễ mười vạn lần, quý vị chỉ tu phước báo nhân thiên, phước báo hữu lậu mà thôi, chẳng thoát khỏi tam giới, mà cũng chẳng thể vãng sanh! Chớ nghĩ: “Ta dụng công như thế, tương lai nhất định vãng sanh”, chẳng đáng trông cậy đâu nhé! Tuy nói vãng sanh là đời nghiệp vãng sanh, chẳng đoạn một phẩm Hoặc (phiền não), lời ấy nói chẳng sai, nhưng quý vị nghiên cứu Tịnh Độ Tam Kinh cẩn thận, mới hiểu vì sao quý vị niệm Phật chẳng thể vãng sanh? Nếu vãng sanh đơn

giản như vậy, trong đời quá khứ, ta cũng niệm A Di Đà Phật, đã vãng sanh từ sớm rồi, sao vẫn còn ngồi trong giảng đường này? Đã sớm vãng sanh mất rồi!

Vì sao không vãng sanh được? Vừa mở kinh điển ra xem, [liên thấy] tâm hạnh của chúng ta hoàn toàn trái nghịch những điều kinh đã giảng! Cho nên niệm Phật vẫn chẳng thể vãng sanh. Đúng như cổ đại đức đã nói: “*Rách toạc cuống họng cũng uống công*”, chẳng thể vãng sanh. Nguyên nhân chẳng thể vãng sanh vì đối với ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh, thấy đều phạm lầm lỗi! Tín là tín tự, tín tha, tín nhân, tín quả, tín sự, tín lý, chúng ta toàn bộ đều phạm lầm lỗi. Nói cách khác, chúng ta chẳng có tín tâm, tín tâm chưa kiến lập. Tín tâm thật sự kiến lập, thái độ xử sự, đãi người, tiếp vật sẽ thay đổi. Quý vị phát nguyện, nguyện ấy chẳng phải là thật, mà là giả! Người ấy nói: “Ta niệm niệm muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới”. Giả trá, chẳng thật, vì sao? Nếu thật sự phát nguyện vãng sanh, nhất định quý vị sẽ có thái độ giống như Lục Tổ đã nói: “*Chẳng thấy lỗi người khác*”, vì sao? Chính mình quản mình còn chẳng xuể, mắt nào thấy lỗi người khác? Vẫn thấy lầm lỗi này nọ, đó chẳng phải lầm lỗi của người khác, mà là lầm lỗi của chính mình! Do chính mình phân biệt, chấp trước! Chính mình chẳng có phân biệt, chấp trước, làm lỗi do đâu mà có? Vì vậy, làm lỗi ở chỗ nào? Làm lỗi ở ngay nơi chính mình. Chính mình phân biệt, chấp trước, đó là làm lỗi, chứ người khác chẳng có làm lỗi! Lục Tổ nói: “*Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến tha nhân quá, tha phi, ngã bất phi, ngã phi tự tương tả*” (Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi người khác. Hấn sai, ta chẳng sai. Làm rồi, tự đọa lạc). “*Tả*” là ngày càng đọa lạc, chính mình tạo tội nghiệp, chính mình đọa lạc.

Người thật sự tu đạo, tâm địa thanh tịnh, chẳng có đúng hay sai, như vậy thì mới có thể niệm đến công phu thành thiền, mới có thể niệm tới nhất tâm bất loạn. Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, đối với hết thấy các sự, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, không khởi tâm, chẳng động niệm, người ấy quyết định vãng sanh, vì sao? Hết thấy thị phi thiện ác của người thế gian chẳng liên can đến ta, ta bận tâm những chuyện ấy để làm gì? Ta ghim những chuyện ấy trong lòng để làm gì? Chẳng cần thiết! Ghim trong tâm mình là đại chướng ngại! Vì thế, người thật sự tu đạo, những gì chẳng cần quản tới bèn gắng hết sức chẳng quan tâm tới, những gì bắt buộc dĩ không quan tâm chẳng được thì quan tâm về mặt Sự, nhưng trong tâm chẳng bận lòng, người ta cao minh ở chỗ này! Có chức trách thì chẳng thể không

quản, tuy quản, tâm địa thanh tịnh, quyết định chẳng ô nhiễm, đây là người tu đạo. Quản về mặt Sự, tâm cũng bị cảnh giới xoay chuyển thì không được rồi! Quản về mặt Sự, tâm quyết định chẳng bị cảnh giới chuyển, vì sao? Vì “*tâm nguyên bốn tịch, tâm thể bốn minh*”, nên mới có tác dụng trí huệ quán chiếu.

**(Sao) Pháp Hoa vị thị chân A La Hán.**

(鈔) 法華謂是真阿羅漢。

**(Sao: Kinh Pháp Hoa nói [người ấy] là A La Hán thật sự).**

Kinh Pháp Hoa nói “chân A La Hán” là ai? Mỗi cá nhân đều là, không ai chẳng phải! Trong kinh Hoa Nghiêm và kinh Viên Giác, đức Phật nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn thành Phật*”. “*Vốn thành Phật*” là nhìn từ chỗ nào? Nhìn từ nguồn tâm, nhìn từ tâm thể. Hết thấy mọi người đều như nhau, chúng sanh và Phật chẳng sai biệt. Sai biệt chỉ vì chúng sanh mê tâm nguyên của chính mình, mê tâm thể của chính mình, tuy mê, nhưng trọn chẳng mất đi! Quý vị giác ngộ, nó khởi tác dụng, tác dụng của nó rộng lớn vô biên; khi mê hoặc, điên đảo, nó vẫn khởi tác dụng, vẫn là rộng lớn vô biên. Tướng và Dụng được dấy lên không hai, không khác, nhưng cảm nhận khác nhau. Kẻ mê thấy thế giới này là mười pháp giới, lục đạo, tam đồ, cảm nhận như thế đó. Người ngộ thấy mười pháp giới là Nhất Chân pháp giới, vì sao là Nhất Chân? Vì mười pháp giới có cùng một nguồn tâm, do nguồn tâm ấy biến ra! Cùng một nguồn tâm, cùng một bản thể, lẽ nào chẳng Chân? Thứ gì cũng đều là Chân. Đây gọi là thấy Tánh, chẳng chấp Tướng.

Thí dụ như chúng ta dùng vàng ròng, vàng là tâm nguyên, bản thể, chúng ta dùng vàng ròng làm một tượng Phật, tượng Bồ Tát, tượng Duyên Giác, tượng Thanh Văn, tượng một vị trời, hay tượng một người, cho đến tượng súc sanh, hoặc tượng địa ngục, phân lượng nhiều như nhau, cân nặng như nhau, đây chẳng phải là mười pháp giới ư? Kẻ phàm phu mê hoặc chấp tướng, [thấy tượng] đó là Phật, vội vã quỳ mọp xuống đất đánh lễ ba lạy, thấy đó là tượng ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh, bèn quở mắng mấy câu, chấp tướng! Người hiểu rõ thì mười tượng ấy là gì? Giá trị như nhau, chẳng hai, chẳng khác, thấy đều là vàng ròng, chẳng khác nhau! Nhìn theo quan điểm nghệ thuật, mỗi tượng đều được làm rất khéo léo, sống động, giá trị như nhau, bình đẳng. Người chẳng mê thấy các tượng ấy bình đẳng, người mê thấy các tượng ấy bất bình đẳng. Bình

đẳng là Nhất Chân; trọn chẳng phải là nói trong Nhất Chân pháp giới không có nạ quý, địa ngục, súc sanh! Trong Nhất Chân pháp giới có [mười pháp giới]. Nhất Chân pháp giới và mười pháp giới chẳng khác nhau, khi giác ngộ sẽ thấy Nhất Chân.

Cảnh giới bất đồng là có cao, thấp, sẽ có khổ, vui. Nếu ở trong Nhất Chân pháp giới, tâm người ấy thanh tịnh, bình đẳng, sẽ chẳng có khổ hay vui. Ở trên cõi trời, người ấy chẳng hưởng lạc, ở dưới địa ngục, chẳng cảm thấy khổ; năm thứ cảm thọ “khổ, lạc, ưu, hỷ, xả” người ấy đều không có, vì sao? Trong tâm thể và tâm nguyên không có những thứ ấy, cho nên người ấy không cảm nhận. Phàm phu mới có cảm nhận, thánh nhân không có! Hiểu hết thấy các pháp đều xứng thể, đó gọi là “*các pháp đều Như*”, các pháp đều bất nhị. Xứng tánh, chẳng có một pháp nào không xứng tánh. Nói cách khác, không có một pháp nào chẳng do tâm biến hiện; vì vậy, “*ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm*”. Trong giảng đường, chúng tôi thường dùng mộng làm tỷ dụ, cảnh giới trong mộng là Pháp Tướng, cái tâm nằm mộng ví như chân tâm, toàn thể mộng cảnh do tâm hiện, “*toàn thể mộng chính là tâm*”, toàn thể tâm là mộng cảnh, tâm và mộng là một, không hai. Từ chỗ này, mọi người có thể thấu hiểu. Đức Phật quan sát từ chỗ này, giảng rõ hết thấy chúng sanh đều là Phật, vốn đã thành Phật!

Căn cứ lý luận để chúng ta tu pháp môn Tịnh Độ cũng là câu ấy. Trong Quán Kinh đã giảng lý luận và phương pháp Niệm Phật. Quán Kinh nói: “*Tâm này là Phật*”, còn ở đây, câu ấy được diễn tả bằng: “*Tâm nguyên bốn tịch, tâm thể bốn minh*”, có cùng ý nghĩa. Vì vốn vắng lặng (bốn tịch), cho nên bốn minh “*là Phật*”, tâm nguyên, tâm thể là “*tâm này*”, tâm này là Phật. Trong toàn thể Phật pháp, bất luận một tông phái nào, bất luận pháp môn nào, đều dựa trên nguyên lý này để kiến lập, đó là Phật pháp. Câu dưới đây nói về cảnh giới “*tâm này làm Phật*”, tâm vốn là Phật, nay người ấy lại muốn làm Phật. “*Vốn là Phật*” tức là duy tâm sở hiện; “*tâm này làm Phật*”, nay muốn làm Phật, tức là duy thức sở biến.

Chúng tôi nói theo công thức ấy, mọi người sẽ hiểu rõ. Hiện thời chúng ta “*tâm này là Phật, tâm này làm người*”, chúng ta làm người! Chẳng phải là Phật, mà là nhân pháp giới trong mười pháp giới. Nếu chẳng muốn làm người, “*tâm này là Phật, tâm này làm quý*”, trở thành quý. “*Tâm này là Phật, tâm này làm súc sanh*”, làm súc sanh, tùy thuộc quý vị làm như thế nào! Tâm vĩnh viễn chẳng thay đổi, hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật. Vì tâm vĩnh viễn chẳng thay đổi, tùy thuộc quý

vị làm gì, “làm gì” là duy thức sở biến. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta, quý vị muốn làm Phật, tâm này làm Phật, quý vị nhất định thành Phật, quý vị vốn là Phật, nay lại muốn làm Phật, lẽ nào quý vị chẳng thể thành Phật? Đương nhiên thành Phật!

Vì vậy, mọi người phải hiểu câu “*tâm này là Phật*” bao quát thấu triệt từ đầu đến cuối hết thấy hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới, câu này xuyên suốt, bản thể là Phật tánh. “*Tâm này là Phật*” nói về Phật tánh, hết thấy hữu tình chúng sanh thấy đều có Phật tánh. “*Tâm này làm Phật*” là duy thức sở biến, tùy thuộc quý vị biến như thế nào. Nếu quý vị biến thành Phật, sẽ thành Phật; nếu quý vị biến thành Bồ Tát, sẽ thành Bồ Tát. Quý vị biến lục đạo chúng sanh sẽ thành lục đạo chúng sanh, quý vị biến tam ác đạo, liền hiện tam ác đạo. Chính quý vị thích biến gì, sẽ được đó, nguyên lý ở chỗ này. Hiểu rõ nguyên lý, tín tâm bèn được kiến lập, vì sao ta tin tưởng pháp này? Có đạo lý trong ấy! Nói theo Lý thông suốt, nên ta tin tưởng pháp này. Chẳng hiểu rõ Lý, làm sao ta tin tưởng được? Chẳng thể tin tưởng! Vì thế, chữ Tín cũng chẳng dễ dàng cho lắm!

***(Sao) Khởi Tín hiệu viết chân thật thức tri, bỉ trầm không vị tịch, tác niệm nhi tri giả, danh tự La Hán, hư vọng tri thức dã.***

(鈔)起信號曰真實識知，彼沉空為寂，作念而知者，名字羅漢，虛妄知識也。

***(Sao: Luận Khởi Tín gọi vị ấy là chân thật tri thức, còn những kẻ đắm chấp nơi không tịch, hoặc phải khởi niệm mới biết, là danh tự La Hán, thì gọi là tri thức hư vọng).***

Khởi Tín Luận do Mã Minh Bồ Tát trước tác, đương nhiên Mã Minh Bồ Tát hiểu chân tướng sự thật rất rõ ràng, minh bạch. Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, Ngài tu pháp nào? Ngài nhất định tu niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chẳng sai! Mã Minh Bồ Tát tu Tây Phương Tịnh Độ, người hiểu rõ ràng, không ai chẳng đến Tây Phương Tịnh Độ; do vậy, Mã Minh Bồ Tát hiện đang ở thế giới Cực Lạc. Khởi Tín Luận viết: “*Tùng bốn dĩ lai, tự tánh mãn túc nhất thiết công đức. Sở vị tự thể, hữu đại trí huệ, đại quang minh nghĩa cố, biến chiếu pháp giới nghĩa cố, chân thật thức tri nghĩa cố, nãi chí mãn túc vô hữu sở thiếu nghĩa cố*” (Xét từ cái gốc thì tự tánh vốn trọn đủ hết thấy công đức, tức là nói tự thể có ý nghĩa đại trí huệ, đại quang minh, có ý nghĩa trọn khắp pháp

giới, có ý nghĩa chân thật hiểu biết, cho đến trọn đủ chẳng thiếu sót nghĩa nào). Nói thật ra, Ngài nói nhiều dường ấy, nhưng trong Đàn Kinh, Lục Tổ chỉ nói một câu đã bao gồm trọn hết: “*Nào ngờ tự tánh, vốn trọn đủ*”, câu nói của Ngài bao quát hết thảy, có thể nói đoạn văn trên đây của Khởi Tín Luận chính là chú giải cho câu nói của Lục Tổ đại sư, thảy đều trọn đủ!

“*Chân thật thức tri*” và “*trâm không vi tịch, tác niệm nhi tri*” khác nhau! “*Trâm không vi tịch*” chỉ những kẻ tu hành thông thường, nhất là nói tới những người tu Thiền. Tu Thiền nếu chẳng đắc pháp, ngồi nơi đó, tâm rất thanh tịnh, ngồi đến mức một niệm chẳng sanh, ngỡ là rất thanh tịnh, nhưng có phải là Thiền thật sự hay chẳng? Chẳng phải! Vì sao? Trong Thiền có Quán, chẳng phải là chết cứng. Trong Thiền không có Quán sẽ thuộc về Vô Tướng Định, trong tâm người ấy có chấp trước hay không? Người ấy có chấp trước, chấp trước vô tướng, phàm phu chấp vào tướng. Loại người ấy chấp vào vô tướng, [tức là] vẫn có chấp trước, nói cách khác, vẫn chưa buông xuống, vì sao? Phàm phu chúng ta chẳng phải là vô tướng, mà là có tướng, còn người ấy rơi vào vô tướng, cho nên người ấy chẳng rốt ráo! Tu thành công sanh lên Tứ Thiền Thiên, trong Tứ Thiền Thiên có ngoại đạo thiên là Vô Tướng Thiên, người ấy ngỡ Vô Tướng Thiên là đạt đến rốt ráo Niết Bàn, sai lầm quá đỗi! “*Trâm không vi tịch*” (đắm chìm nơi Không, ngỡ là tịch diệt) là trập. Còn “*tác niệm nhi tri*” là phàm phu thông thường. Chúng ta phải phân biệt, tướng tượng, nghiên cứu rồi mới biết; đó gọi là “*tác niệm nhi tri*”, đây chẳng phải là chân tri. Trí huệ chân chánh chẳng cần phân biệt, chẳng cần khởi tâm động niệm, vừa nhìn liền biết, đó là chân tri. Sau khi đã thấy, phải nghiên cứu rồi mới biết, đó chẳng phải là chân tri! Hai loại này là phàm phu, phàm phu như thế nào? Danh tự La Hán! Hữu danh vô thực, chẳng phải là A La Hán thật sự, mà là tri thức hư vọng, chẳng phải là thiện tri thức chân thật. Thiện tri thức thật sự chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Chúng ta phải nhớ kỹ cương lĩnh này, ba thứ phân biệt, vọng tưởng, chấp trước làm hại chúng ta quá mức, hại chúng ta đời đời kiếp kiếp luân hồi trong lục đạo, đời đời kiếp kiếp tu hành đều chẳng có kết quả. Phật dạy chúng ta bỏ gì? Không gì chẳng nhằm trừ bỏ phân biệt, vọng tưởng, chấp trước mà thôi, trừ bỏ những thứ ấy. Tôi nói như thế, sợ mọi người nghe xong lại hiểu lầm ý nghĩa. “Được rồi! Từ hôm nay trở đi ta chẳng phân biệt, chẳng chấp trước hết thảy”. Người khác hỏi ta: “Đây là gì?” Chẳng biết! Chuyện này sẽ phiền phức to! Kẻ ấy chẳng phân biệt,

chẳng chấp trước, nam nhân, nữ nhân cũng chẳng biết, ăn cơm rồi hay chưa ăn cũng chẳng biết luôn! Chuyện ấy phiền lắm, phá hoại tướng thế gian! Kinh thường dạy: “*Phật pháp trong thế gian, chẳng hoại tướng thế gian*”. Người thế gian có chấp trước, chúng ta bề ngoài phải tùy thuận sự chấp trước của họ; người thế gian có phân biệt, chúng ta bề ngoài phải tùy thuận sự phân biệt của họ, bên trong chẳng có phân biệt, chấp trước, nhưng bên ngoài thì có phân biệt, chấp trước giống hệt như họ, đây gọi là “*chẳng hoại tướng thế gian*”.

Như thường nói “*Phật pháp trên thế gian, chẳng lìa thế gian giác*”. Chẳng lìa thế gian là gì? Chẳng lìa sự phân biệt, chấp trước của người thế gian, chẳng lìa những điều đó. Giác là gì? Trong tâm ta, quả thật không có phân biệt, chấp trước, nhưng xử sự, đãi người, tiếp vật, dùng phân biệt, chấp trước, trật tự trên thế gian này sẽ không bị rối loạn, chẳng bị làm hỏng, chẳng bị phá hoại! Trong nội tâm quả thật không có phân biệt, chấp trước, đây mới là đúng, đó là chẳng chấp hai bên Có và Không, gọi là Trung Đạo. Trong tâm chính mình không có phân biệt, chấp trước, [đó là] chẳng chấp Có. [Đối với] hiện tượng bên ngoài có phân biệt, chấp trước, [đó là] chẳng rút vào Không. Hai bên Có và Không đều chẳng chấp trước, đó là Trung Đạo. Bồ Tát hành Trung Đạo, mọi người phải hiểu rõ ý nghĩa này, chớ nên hiểu lầm. Hiểu lầm thì chẳng đọa vào bên Có, sẽ đọa vào bên Không, luôn đọa một bên, đều là sai lầm. Trên mặt Sự, có phân biệt, chấp trước, nhưng trong tâm ngàn muôn phần đừng nên có phân biệt, chấp trước. Trong tâm chẳng có phân biệt, chấp trước, tâm ấy sẽ là Diệu Quán Sát Trí (Pratyaveksanā-jñāna), Bình Đẳng Tánh Trí (Samatā-jñāna), trên sự tướng có phân biệt, chấp trước, đó là Thành Sở Tác Trí (Kṛtyānusthāna-jñāna), hiểu rõ đích xác là chuyển bát thức thành tứ trí. Đọc đoạn kế tiếp, ý nghĩa này càng ngày càng sâu.

***(Sao) Thị cố tà kiến dữ chánh kiến nhất thể, chúng diệu dữ chúng họa đồng môn.***

(鈔) 是故邪見與正見一體，眾妙與眾禍同門。

*(Sao: Do vậy, tà kiến và chánh kiến cùng một thể, các điều tốt lành và các tai họa cùng một môn).*

Hai câu này có ý nghĩa rất sâu. Chúng ta thấy tà kiến và chánh kiến là đối lập, là tương đối, các điều tốt lành và các ương họa cũng là

tương đối, có sao là nhất thể? Ở đây, phải biết: Thể là một, [cùng một] tâm nguyên, tâm thể! Họa, phước đều do cùng một tâm ấy biến hiện; do vậy, nó chẳng phải là hai thứ. Vì sao biến thành họa và phước? Do mê và ngộ, ngộ rồi, họa cũng là phước; hễ mê, phước cũng là họa. Do đó, [họa hay phước] chỉ trong vòng mê hay ngộ! Mê và ngộ chẳng hai, vì sao? Ngộ chính là chuyện này, mà mê vẫn là chuyện này, chẳng rời khỏi chuyện này! Do vậy, mê và ngộ chẳng hai. Phật, Bồ Tát ngộ là ngộ tâm nguyên, ngộ tâm thể. Phàm phu chúng ta mê, mê cũng là tâm nguyên, mê cũng là tâm thể, cho nên cùng một chuyện mà sanh ra hai hiện tượng khác nhau; tuy hai thứ hiện tượng khác nhau nhưng là cùng một chuyện. Vì thế nói mê và ngộ chẳng hai!

Nếu quý vị thấy rõ chân tướng này, quả thật là mê và ngộ chẳng hai. Do hiểu rõ chân tướng sự thật này, cho nên Phật, Bồ Tát chẳng ghét kẻ ác, vì sao? Vì là một, chẳng hai với kẻ ấy. Vì sao phàm phu chúng ta ưa thích người lành, chán ghét kẻ ác? Chúng ta ngộ là hai, chẳng phải một. Vì thế, tâm tham ái, tâm chán ghét nảy sanh mạnh mẽ, đây là mê, chẳng ngộ! Sau khi ngộ, nói thật ra, chẳng có tâm chán ghét, tâm tham ái cũng không có, tâm người ấy thanh tịnh, như Lục Tổ đã nói: “*Vốn không có một vật*”. Vĩnh viễn là tâm thanh tịnh, tâm nguyên vốn vắng lặng, vĩnh viễn là tâm thanh tịnh, tịch diệt; thấy hết thấy các hiện tượng bên ngoài, chánh kiến, tà kiến, các điều tốt lành, các tai họa đều là tướng thanh tịnh, tịch diệt, đó là chân tướng. Tâm chính mình thanh tịnh, thấy cảnh giới bên ngoài thanh tịnh. Nói cách khác, chúng ta thấy cảnh giới bên ngoài chẳng thanh tịnh vẫn là do tâm chính mình chẳng thanh tịnh, trọn chẳng phải là cảnh giới bên ngoài không thanh tịnh.

Ngày nay chúng ta niệm Phật, niệm Phật nhằm mục đích nào? Mục đích là khôi phục cái tâm thanh tịnh của chúng ta. Bất luận ý niệm nào, thiện niệm cũng thế, mà ác niệm cũng vậy, chánh niệm cũng thế, mà tà niệm cũng vậy, chỉ cần ý niệm dấy lên, ngay lập tức đổi nó thành A Di Đà Phật, khuất phục hết thấy các niệm, đó gọi là công phu. Đây gọi là vun bồi bổn tịch, khôi phục tâm nguyên bổn tịch. Sau khi Tịch, nó sẽ có tác dụng Chiếu. Tịch là tâm thanh tịnh, thanh tịnh sẽ sanh trí huệ, trí huệ là tác dụng Chiếu, “*Tịch mà thường Chiếu, Chiếu mà thường Tịch*”. Nay công phu chúng ta phải thực hiện là “*Tịch mà thường Chiếu*”, vì sao? Vì chúng ta vẫn chưa thể Chiếu, Tịch là trước hết tu Định, trước hết, tu cái tâm thanh tịnh, chẳng để cho cái tâm dậy sóng. Tâm dậy sóng là gì? Là phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, tâm sẽ chẳng bình lặng. Chúng ta dùng phương pháp Niệm



Phật để uôn nắn, đối với hết thảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, thảy đều dùng một câu A Di Đà Phật để thay thế. Do vậy, trong mười hai thời, chỉ có một câu A Di Đà Phật. Nếu công phu đi đúng quỹ đạo, lúc ngủ vẫn niệm A Di Đà Phật, lúc nằm mộng vẫn niệm A Di Đà Phật, mong mọi người hãy nỗ lực.

Nếu quý vị đạt được cảnh giới ấy, chớ nên hoan hỷ, cảnh giới ấy chỉ là công phu vừa mới đắc lực, vừa mới đi đúng quỹ đạo, không có gì là phi phạm! Nếu hoan hỷ, cảm thấy chính mình ghê gớm quá, ngay lập tức công phu ấy bị mất đi, chẳng thể giữ gìn được! Phải dùng cái tâm rất bình thường, phải có tâm khiêm hư, [cảm thấy] chính mình không bằng người khác, người khác đạt được chẳng bỏ mất, chúng ta đạt được, rất dễ bị mất đi. Chúng ta là sơ học vừa mới đạt được, tâm hết sức khiêm hư, nỗ lực học tập, mong giữ được công phu này, cũng chớ nên mang lòng hy vọng, [vì có tâm hy vọng thì công phu ấy] nhất định sẽ bị mất, giữ không được, vì sao? Tâm mong mỏi là xen tạp, vừa niệm A Di Đà Phật vừa xen tạp hy vọng, không được rồi! Do vậy, niệm Phật sợ nhất là chính mình xen tạp, nếu công phu chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chỉ có một câu Phật hiệu, trừ một câu Phật hiệu ra, chẳng có một vọng niệm nào. Ta muốn giữ gìn công phu ấy, một vọng niệm chẳng thể có thì mới thật sự giữ gìn được! Lâu ngày chầy tháng, quý vị thực hiện công phu này đôi ba năm, sẽ giống như các vị đại đức vãng sanh xưa kia, biết trước lúc mất, không bệnh tật mà vãng sanh. Điều này ai nấy đều làm được, chỉ sợ chính quý vị mê mất phương hướng. Quý vị tự mình mê mất chính mình, vậy là lại bỏ uổng đời này, đáng tiếc lắm!

Do vậy, người thật sự niệm Phật, thật sự hy vọng vãng sanh Tịnh Độ ngay trong đời này, viên mãn Bồ Đề, nói thật ra, ba kinh đủ rồi, ba kinh nhất định phải cùng tham chiếu, chúng ta mới quyết định nắm chắc. Một bộ kinh đương nhiên cũng được, thậm chí một bộ kinh cũng chẳng cần đến, chỉ cần một câu A Di Đà Phật cũng được, nhưng phải là người căn tánh rất nhạy bén. “Căn tánh rất nhạy bén” như vừa mới nói chính là gì? Phải là người rất thật thà, thật thà niệm Phật. Hiện thời, chúng ta chẳng thật thà, chẳng thật thà sẽ dấy vọng tưởng. Người thật thà niệm Phật, dạy họ một câu A Di Đà Phật, người ấy sẽ suốt ngày từ sáng đến tối giữ chắc A Di Đà Phật, đích xác là chẳng có vọng niệm nào, loại người ấy được gọi là “thật thà”. Tuy chúng ta niệm Phật, nhưng thấy cái này chẳng thuận mắt, thấy cái kia không quen, tức là chẳng thật thà. Người chẳng thật thà thì phải tham chiếu cả ba kinh để những lý luận, phương pháp, nhân quả, cảnh giới trong đó thảy đều hiểu rõ! Chúng ta

biết cách đi theo con đường ấy như thế nào, chính mình nắm vững. Không chỉ nắm vững, mà đích xác còn có thể định kỳ hạn chứng đắc, [nghĩa là] có thể hạn định thời gian bao lâu sẽ thực hiện được. Do vậy, pháp môn này vô cùng thù thắng, thật sự là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn khó được, hiếm có. Cuối cùng là kết luận...

**(Sao) *Tức tâm đạt bốn nguyên, thứ cơ khả dĩ vi sa-môn hĩ.***

(鈔) 息心達本源，庶幾可以為沙門矣。

**(Sao: *Lắng lòng đạt đến cội nguồn, ngõ hầu có thể làm bậc sa-môn vậy.*)**

“*Tức tâm*” là dứt vọng tâm, tức là dứt trừ phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Vì tà kiến, các tai họa đều do vọng tâm tạo tác, chúng ta có thể dứt trừ vọng tâm, nói cách khác, quý vị dứt trừ tà kiến, hết thấy họa hoạn đều chẳng có, cũng bị dứt bật rồi. Họa hoạn là gì? Lục đạo luân hồi, đó là họa lớn, do vọng tâm biến hiện. Dứt trừ vọng tâm, “*bốn nguyên*” là Chân Như bốn tánh, bốn tánh bèn hiển hiện, kiến tánh sẽ thành Phật. Vì thế, nói: “*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, kiến tánh bèn thành Phật. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sang bên đó kiến tánh thành Phật.

“*Thứ cơ khả dĩ vi sa-môn*”, “*Sa-môn*” (Śramaṇa) là tiếng gọi người xuất gia tu hành. Liên Trì đại sư khích lệ chúng ta, ắt phải làm được “*tức tâm đạt bốn nguyên*” (lắng lòng, đạt đến cội nguồn) thì mới có thể gọi là người xuất gia tu hành chân chánh vậy. Ngày hôm nay, chúng tôi giảng đến chỗ này.